

Phát triển lực lượng sản xuất chất lượng mới ở Việt Nam hướng tới công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Ngày nhận bài: 18/08/2025 | Ngày phản biện: 20/08/2025 | Ngày xuất bản: 29/09/2025

Tác giả: Huang Chengquan và Yu Yu

Tóm tắt: Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, với trọng tâm là số hóa, trí tuệ nhân tạo và phát triển bền vững, "lực lượng sản xuất mới" đang tái định hình con đường phát triển kinh tế của các quốc gia. Là một nền kinh tế mới nổi ở Đông Nam Á, Việt Nam đã tận dụng lợi thế về lao động, các hiệp định thương mại tự do (như RCEP) và vị trí chiến lược để đẩy nhanh việc tiếp nhận sự dịch chuyển chuỗi cung ứng, trở thành một trung tâm trong khu vực về các lĩnh vực như sản xuất điện tử, dệt may. Trong sự nghiệp đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu nổi bật về tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân và đổi mới thể chế. Tuy nhiên quá trình phát triển của Việt Nam vẫn đối mặt với rất nhiều thách thức. Bài viết này sẽ phân tích tiến trình phát triển của Việt Nam dưới góc nhìn "lực lượng sản xuất chất lượng mới", đồng thời đề xuất định hướng phát triển lực lượng sản xuất mới nhằm thúc đẩy tăng trưởng, đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam.

1. Nguồn gốc lý luận, khái niệm và bản chất của lực lượng sản xuất chất lượng mới

Trong bộ "Tư bản", Mác định nghĩa lực lượng sản xuất là "năng lực cải tạo tự nhiên và giành lấy tư liệu vật chất của con người"⁽¹⁾, với ba yếu tố cốt lõi là: lực lượng lao động, tư liệu lao động và đối tượng lao động. Lý thuyết này nhấn mạnh rằng, mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tạo nên động lực căn bản cho sự phát triển của xã hội. Khi lực lượng sản xuất phá vỡ sự kìm hãm của quan hệ sản xuất lỗi thời, nó sẽ dẫn đến sự thay thế của hình thái xã hội mới. Trong thời kỳ Cách mạng Công nghiệp, những cải tiến về công cụ sản xuất như máy hơi nước đã thúc đẩy sự bứt phá của lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa. Trong tác phẩm "Bản cùng triết học", C. Mác cũng

chỉ rõ rằng: “Cái cối xay quay bằng tay đưa lại cho xã hội phong kiến, cái cối xay chạy bằng hơi nước đưa lại cho xã hội có nhà tư bản công nghiệp”⁽²⁾, xã hội tư bản chủ nghĩa thay thế xã hội phong kiến, thực chất là kết quả của sự phát triển lực lượng sản xuất; khoa học - công nghệ đã đóng vai trò rất quan trọng trong tiến trình thúc đẩy phát triển xã hội.

Lực lượng sản xuất chất lượng mới là một khái niệm được hình thành và phát triển dựa trên lý luận lực lượng sản xuất của chủ nghĩa Mác. Đây là một hình thái sản xuất mới, hình thành trong quá trình phát triển kinh tế gắn liền với những thành tựu khoa học mới, tiêu biểu như công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và công nghệ xanh. Nó được thúc đẩy bởi yếu tố mới là đổi mới sáng tạo, dữ liệu và nguồn nhân lực chất lượng cao. Phương thức sản xuất cũng đã thay đổi từ chỗ dựa nhiều vào lao động thủ công sang “hợp tác thông minh”. Thực tế cho thấy, lực lượng sản xuất chất lượng mới có thể nâng cao năng suất lao động, giúp sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực, đẩy nhanh quá trình nâng cấp cơ cấu ngành nghề, và trở thành một động lực quan trọng thúc đẩy phát triển chất lượng cao.

Sự hình thành lực lượng sản xuất chất lượng mới bắt nguồn từ sáng tạo khoa học công nghệ, đó là quá trình thúc đẩy sự nhảy vọt về chất trong phát triển lực lượng sản xuất. Nhìn lại lịch sử, mỗi khi các đột phá công nghệ mang tính cách mạng thúc làm thay đổi ngành công nghiệp, lực lượng sản xuất lại có bước phát triển vượt bậc mang tính đột biến, hình thành trạng thái chất lượng mới⁽³⁾. Hiện nay, làn sóng cách mạng công nghiệp cùng những đột phá công nghệ mới đang định hình lại bản đồ đổi mới sáng tạo toàn cầu và tái cấu trúc nền kinh tế thế giới. Trong bối cảnh đó, cần huy động và tổng hợp các nguồn lực cho đổi mới công nghệ, dẫn dắt sự phát triển của những ngành công nghiệp chiến lược và các lĩnh vực công nghiệp của tương lai, từ đó thúc đẩy nhanh quá trình hình thành lực lượng sản xuất chất lượng mới.

Về bản chất, lực lượng sản xuất chất lượng mới thể hiện ở việc thoát khỏi sự phụ thuộc vào các yếu tố truyền thống như đất đai, lao động, vốn; chuyển sang dựa vào hệ thống công nghệ hiện đại như công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, năng lượng xanh, lấy nâng cao năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) làm cốt lõi, thông qua tái cấu trúc quan hệ sản xuất và tối ưu hóa phân bổ nguồn lực xã hội để xây dựng mô hình lực lượng sản xuất sáng tạo hướng tới tương lai. Đây là một hệ thống sản xuất mới, tích hợp chặt chẽ

giữa đổi mới công nghệ, đổi mới thể chế, đổi mới tổ chức và nguồn nhân lực chất lượng cao, mang những đặc trưng nổi bật như: hiệu suất cao, chất lượng cao và phát triển bền vững. Lực lượng sản xuất chất lượng mới không chỉ là sự đổi mới động lực tăng trưởng kinh tế, mà còn đánh dấu sự chuyển đổi hệ thống trong mô hình quản trị quốc gia và phương thức phát triển, trở thành nền tảng chiến lược để hiện thực hóa mục tiêu xây dựng đất nước xã hội chủ nghĩa hiện đại.

2. Thực trạng phát triển lực lượng sản xuất chất lượng mới ở Việt Nam

Kể từ khi thực hiện chính sách “Đổi mới” năm 1986, nền kinh tế Việt Nam đã duy trì tăng trưởng liên tục trong hơn ba thập kỷ, quy mô nền kinh tế không ngừng mở rộng, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, hệ thống quản trị quốc gia ngày càng hoàn thiện⁽⁵⁾. Những thành tựu này đặt nền móng cho Việt Nam tiếp tục khám phá mô hình “lực lượng sản xuất chất lượng mới” định hướng đổi mới công nghệ, chuyển đổi số và phát triển xanh.

Thứ nhất, đổi mới công nghệ: Xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia

Việt Nam đang từng bước hình thành hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia. Chính phủ đã thành lập nhiều khu công nghệ cao mới (Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Khu công nghệ cao TP.HCM, Khu công nghệ cao Đà Nẵng), Trung tâm Hỗ trợ Khởi nghiệp Quốc gia (NSSC), Saigon Innovation Hub (SIHUB), Hanoi Innovation Hub (HBIH), Vườn ươm doanh nghiệp Đà Nẵng (DNES). Đặc biệt, trong “Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia”⁽⁶⁾, các công nghệ số như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT) được xác định là điểm then chốt để nâng cấp cơ cấu kinh tế. Điều này cho thấy, Việt Nam không còn chỉ dựa vào lợi thế lao động, mà đang chủ động định hướng phát triển lực lượng sản xuất tương lai.

Thứ hai, hạ tầng số và kinh tế số: Động lực tăng trưởng mới

Đến năm 2023, tỷ lệ phủ sóng Internet di động tại Việt Nam đã vượt 90%⁽⁷⁾, thanh toán không dùng tiền mặt và dịch vụ công trực tuyến được triển khai mạnh mẽ tại các đô thị lớn. Nền kinh tế số Việt Nam đang trên đà tăng trưởng nhanh chóng, với tỷ trọng kinh tế số trong GDP tăng đều qua các năm, khẳng định vai trò ngày càng quan trọng của kinh tế số trong nền kinh tế quốc dân. Đồng thời, cho thấy sự chuyển dịch từ các

ngành công nghiệp truyền thống sang các ngành kinh tế số⁽⁸⁾. Đây chính là biểu hiện của quá trình “chuyển dịch cơ cấu các yếu tố sản xuất”, một đặc trưng của lực lượng sản xuất chất lượng mới đã bắt đầu hình thành.

Thứ ba, phát triển xanh: Chiến lược quốc gia hướng tới bền vững

Trong dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới, Bộ Công thương đề xuất chính sách ưu đãi, hỗ trợ dự án nguồn điện mặt trời và điện gió có hệ thống lưu trữ điện, trong đó, Hệ thống lưu trữ điện của dự án điện từ nguồn điện mặt trời và điện gió là hàng hóa, sản phẩm được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế theo quy định pháp luật⁽⁹⁾. Việc áp dụng công nghệ xanh và sản xuất sạch giúp nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng và giảm phát thải trong ngành chế tạo, thể hiện khả năng thích ứng của lực lượng sản xuất chất lượng mới trong điều kiện ràng buộc về môi trường.

Thứ tư, thúc đẩy hội nhập và hợp tác quốc tế

Tính đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ đối ngoại quốc phòng với hơn 100 quốc gia, trong đó hầu hết là các đối tác chủ chốt (bao gồm 7 đối tác chiến lược toàn diện; 11 đối tác chiến lược; 12 đối tác toàn diện; 3 quốc gia có quan hệ đặc biệt)⁽⁹⁾. Mạng lưới hợp tác quốc phòng chặt chẽ, cùng với sự tin cậy về chính trị và giao lưu kinh tế, hợp thành ba trụ cột phát triển quốc gia, và đó cũng trở thành động lực tiềm năng thúc đẩy hiện đại hóa kinh tế và nâng cấp ngành công nghiệp.

Mặc dù Việt Nam vẫn là một quốc gia đang phát triển, nhưng những nỗ lực trong lĩnh vực công nghệ, số hóa, phát triển xanh và cải cách thể chế đã phần nào thể hiện những đặc trưng của lực lượng sản xuất chất lượng mới. Trong tương lai, nếu tiếp tục tăng cường năng lực đổi mới nội sinh, nâng cao chất lượng giáo dục – đào tạo nhân lực, và tối ưu hóa cơ chế phân bổ nguồn lực, Việt Nam hoàn toàn có thể xây dựng thành công hệ thống sản xuất hiện đại phù hợp với điều kiện quốc gia, thực hiện bước chuyển đổi từ “tăng trưởng theo chiều rộng” sang “phát triển chất lượng cao”.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, việc phát triển lực lượng sản xuất chất lượng mới phải đối mặt với một số các thách thức như sau:

Thách thức nổi bật đầu tiên là “tăng trưởng ảo” trong năng lực khoa học công nghệ. Dù số lượng trường đại học, doanh nghiệp, khu công nghệ cao tăng lên nhanh chóng, nhưng đầu tư cho nghiên cứu và phát triển còn hạn chế, tỷ lệ thương mại hóa kết quả nghiên cứu thấp, và tình trạng doanh nghiệp phụ thuộc công nghệ bên ngoài vẫn nhiều. Trong thời đại mà khoa học công nghệ trở thành trụ cột cạnh tranh quốc gia, hệ thống đổi mới sáng tạo hiện tại của Việt Nam chưa đủ mạnh để nâng đỡ quá trình tái cấu trúc toàn diện.

Tiếp theo, thiếu hụt trong phát triển kinh tế số ngày càng bộc lộ rõ. Mặc dù chính phủ đã triển khai dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và thương mại điện tử và giành được thành quả mới, nhưng sự thiếu thống nhất chiến lược khiến hệ sinh thái số bị phân mảnh. Sự chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, tình trạng dữ liệu phân tán vẫn phổ biến, đặc biệt là tỷ lệ tham gia vào quá trình số hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn còn thấp; khoảng cách số đang ngày càng gia tăng, làm trầm trọng thêm bất bình đẳng xã hội.

Việt Nam vẫn chưa thể thoát khỏi mô hình “kinh tế lắp ráp, gia công”. Phần lớn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tập trung vào các khâu giá trị thấp, trong khi khâu nghiên cứu, thiết kế và thương hiệu vẫn do doanh nghiệp nước ngoài kiểm soát. Tình hình này đã trực tiếp kìm hãm quá trình nâng cấp nền kinh tế, đồng thời hạn chế năng lực tự chủ trong lực lượng sản xuất chất lượng mới.

Đáng chú ý hơn là mâu thuẫn giữa phát triển xanh và lợi ích thực tế ngày càng gay gắt. Sau khi cam kết quốc tế về đạt đỉnh phát thải và trung hòa carbon, Việt Nam tuy đẩy nhanh triển khai năng lượng tái tạo nhưng lại thiếu hệ thống dự trữ năng lượng, mạng lưới điện quá tải và hệ thống tài chính xanh yếu kém, khiến nhiều dự án khó triển khai. Một số doanh nghiệp chỉ làm “làm xanh hình thức”, biến công tác bảo vệ môi trường thành khẩu hiệu; quá trình chuyển đổi xanh vẫn chưa thực sự trở thành một phần trong logic phát triển.

Trước nhu cầu phát triển của lực lượng sản xuất mới, hệ thống thể chế và mô hình quản trị hiện tại đang trong quá trình tích cực khám phá và tối ưu hóa. Nhằm nâng cao hiệu quả hành chính, tăng cường minh bạch chính sách và củng cố giám sát thị trường, Việt Nam đang tiến về mục tiêu xây dựng một “hệ thống quản trị hiệu quả

cao". Đồng thời, để nâng cao sức cạnh tranh trong khu vực, cần tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, đảm bảo sự thông suốt từ khâu xây dựng đến thực thi chính sách, bảo đảm các biện pháp cải cách được triển khai đồng bộ từ trên xuống dưới và mang lại hiệu quả thực chất.

Việt Nam hiện không thiếu động lực tăng trưởng, mà cần xây dựng ngay hệ thống cải cách mang tính đột phá để thoát khỏi tình trạng phụ thuộc. Dưới góc nhìn lực lượng sản xuất chất lượng mới, thách thức không phải là "có phát triển hay không", mà là "liệu có đủ năng lực tự chủ chuyển đổi". Đây chính là vấn đề cốt lõi mà Việt Nam buộc phải đổi mới trên hành trình hướng tới phát triển chất lượng cao.

3. Một số đề xuất phát triển lực lượng sản xuất chất lượng mới trong giai đoạn phát triển mới của Việt Nam

Không thể phủ nhận, Việt Nam đang đứng trước một bước ngoặt phát triển quan trọng là không chỉ cần "tăng trưởng" mà cấp thiết hơn là cần "tăng trưởng chất lượng cao", một mô hình tăng trưởng mang tính tự chủ và bền vững. Trong bối cảnh này, việc xây dựng lực lượng sản xuất chất lượng mới không nên chỉ được hiểu là nâng cấp công nghệ hay số hóa, mà phải là quá trình tái cấu trúc toàn diện từ tư duy phát triển, khung chính sách đến năng lực thực thi và cơ chế phối hợp.

Thứ nhất, phát huy vai trò quan trọng trong hợp tác nghiên cứu và phát triển giữa Doanh nghiệp và Nhà trường. Việc kết hợp giữa các trường đại học và các tập đoàn hàng đầu như FPT, Viettel hay VinGroup đã trở thành cầu nối quan trọng, hiện thực hóa các kết quả nghiên cứu vào thực tế sản xuất, đó là bước then chốt để kích hoạt năng lực đổi mới nội sinh, tạo động lực nội tại cho chuyển đổi kinh tế.

Thứ hai, cần xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng thể chế tương thích với mô hình sản xuất mới, biến dữ liệu, năng lượng sạch và nguồn nhân lực chất lượng cao thực sự trở thành tài nguyên chiến lược quốc gia. Ví dụ, có thể tham khảo kinh nghiệm từ Quy định Bảo vệ dữ liệu thông dụng (GDPR) của Liên minh Châu Âu, để thiết lập nền tảng dữ liệu cấp quốc gia và khuôn khổ quản trị, làm rõ quyền sở hữu và quy tắc lưu thông dữ liệu; trong lĩnh vực năng lượng xanh, tham khảo mô hình "Xóa đói giảm nghèo bằng điện mặt trời" của Trung Quốc, thông qua việc kết hợp giữa chính sách và cơ chế thị trường để thúc đẩy mạng lưới điện khu vực. Triển khai mô hình dịch vụ công

kết nối công nghệ tự động hóa để giảm bớt thủ tục hành chính.

Thứ ba, chiến lược phát triển vùng cần chuyển đổi sang mô hình quản trị không gian mô hình “đi đôi với lực lượng sản xuất”. Chẳng hạn, xây dựng Đồng bằng sông Cửu Long thành trung tâm nông nghiệp công nghệ cao ứng dụng công nghệ sinh học, phát triển Đà Nẵng thành hub logistics kết nối chuỗi cung ứng toàn cầu, hay đưa vùng trung du miền núi phía Bắc trở thành khu vực trọng điểm về năng lượng tái tạo và kinh tế sinh thái. Việt Nam cần trao cho mỗi khu vực vai trò chiến lược đặc thù trong chuỗi giá trị quốc gia, để thực sự hình thành hệ sinh thái kinh tế vùng hỗ trợ, đồng bộ và hiệu quả.

Thứ tư, cần hoàn thành chuyển đổi hệ thống trong tư duy phát triển. Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam toàn quốc lần thứ XIII đưa ra mục tiêu tổng quát, “động lực phát triển đất nước” được hiểu bao gồm 2 vế. Một là giải phóng nguồn năng lực nội sinh trong xã hội; hai là kết hợp nguồn năng lực nội sinh ấy với hội nhập kinh tế quốc tế để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước⁽¹⁾. Điều này không chỉ nâng cao năng lực sàng lọc chất lượng đầu tư nước ngoài, mà quan trọng hơn là thông qua sàng lọc công nghệ, sở hữu trí tuệ, xây dựng tiêu chuẩn và phát triển thương hiệu, nâng tổng thể vị thế chi phối và tiếng nói của doanh nghiệp nội địa trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Hành trình tiến tới lực lượng sản xuất chất lượng mới không chỉ là quá trình nâng cấp công nghệ, mà còn là quá trình tái tạo mô hình phát triển quốc gia. Với nền tảng chính trị ổn định, cơ cấu dân số trẻ và khát vọng hiện đại hóa mạnh mẽ, Việt Nam hoàn toàn có tiềm năng thực hiện bước nhảy vọt “lượng” sang “chất” trong tương lai. Mấu chốt nằm ở khả năng kết nối thông suốt tầm nhìn chiến lược, thiết kế thể chế và hành động thực thi, xây dựng được một hệ thống phát triển hiện đại không chỉ tăng trưởng mà còn tự cường, bền vững và có thể nhân rộng.

Tài liệu tham khảo

(1) C.Mác (2018), Tư bản, Nxb. CTQG Sự thật.

(2) C. Mác (1962), Sự khốn cùng của triết học, Nxb. Sự thật, tr.101.

(3) Tôn Chu Phong (2025), Khoa học là cán cân mạnh mẽ của lịch sử, Tạp chí Nhật báo Quang Minh.

(4) Phạm Đại Dương (2025), Đột phá về khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số – Động lực then chốt để đưa dân tộc Việt Nam phát triển mạnh mẽ trong kỷ nguyên vươn mình, Tạp chí Cộng sản, ngày 20/01/2025. [https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-](https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/dot-pha-ve-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-chuyen-doi-so-dong-luc-then-chot-de-dua-dan-toc-viet-nam-phat-trien-manh-me-trong-ky-nguyen-vuon-minh)

[/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/dot-pha-ve-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-chuyen-doi-so-dong-luc-then-chot-de-dua-dan-toc-viet-nam-phat-trien-manh-me-trong-ky-nguyen-vuon-minh](https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/dot-pha-ve-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-chuyen-doi-so-dong-luc-then-chot-de-dua-dan-toc-viet-nam-phat-trien-manh-me-trong-ky-nguyen-vuon-minh)

(5) Nguyễn Quốc Thái (2023), Lý luận về đường lối đổi mới, phát triển kinh tế thị trường - Những giá trị cốt lõi và những nội dung cần tiếp tục bổ sung, hoàn thiện, Tạp chí Cộng sản.

(6) Thủ tướng Chính phủ (2020), Phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, Cổng thông tin Điện tử Chính phủ.

(7) Báo Điện tử Chính phủ (2017), Mạng 4G đã phủ sóng khoảng 95% dân số Việt Nam, Báo Điện tử Chính phủ.

(8) Nguyễn Văn Cường (2025), Tổng quan về chuyển đổi số ở Việt Nam, Tạp chí Cộng sản.

(9) Báo Điện tử chính phủ (2024), Đề xuất nhiều chính sách ưu đãi phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới, Báo Điện tử chính phủ.

(10) Trần Đức Tiến (2024), Việt Nam chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, thúc đẩy đối ngoại quốc phòng, góp phần bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa bằng các biện pháp hòa bình, Tạp chí Cộng sản.

(11) Bộ Công thương (2023), Sức mạnh tổng hợp quốc gia từ năng lực nội sinh, ngoại sinh, Tạp chí Công thương điện tử.